

THÔNG BÁO
Của Hội đồng xét tuyển dụng viên chức
khối trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Thực hiện Quyết định số 2074/QĐ-SGDĐT ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2016.

Hội đồng tuyển dụng viên chức Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình thông báo Danh sách kết quả kiểm tra, sát hạch thông qua phỏng vấn ngày 17, 18 tháng 12 năm 2016 đến toàn thể các thí sinh tham gia kiểm tra, sát hạch biết (kết quả chi tiết có danh sách kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Website Sở GD&ĐT;
- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, TCCB (05b).

**T.M HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



Bùi Trọng Đắc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 01

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0001	Bùi Thị Bình	05/10/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-NTBDAb		6.16	6.00			Bỏ thi
2	0002	Hoàng Thị Bộ	11/09/1993	Nữ	Tây	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBDAb	x	7.67				Bỏ thi
3	0003	Bùi Thị Hồng Don	02/07/1993	Nữ	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Văn - Sử	Khá	GV VAN-NTBDAb		7.27	8.17			Bỏ thi
4	0004	Hà Văn Giáp	12/05/1991	Nam	Thái	DT	CĐ	Sư phạm Văn - Sử	TBK	GV VAN-NTBDAb		6.10	7.00	50	231.00	
5	0005	Cao Thị Thu Hà	06/02/1992	Nữ	Kinh		CĐ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBDAb		7.11	7.00	60	261.10	
6	0006	Bùi Trung Hải	04/12/1987	Nam	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Văn - Sử	TBK	GV VAN-NTBDAb		6.27	7.00	60	252.70	
7	0007	Quách Thanh Hằng	29/03/1994	Nữ	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-NTBDAb		6.42	7.20	40	216.20	
8	0008	Bùi Thị Minh Huệ	22/12/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-NTBDAb	x	6.13		55	232.60	
9	0009	Nguyễn Thị Lan Hương	07/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Văn - GD	Khá	GV VAN-NTBDAb	x	7.96		40	239.20	
10	0010	Bùi Văn Kiên	17/09/1985	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-NTBDAb		8.00	9.00	92	354.00	
11	0011	Hàng Y Lan	16/01/1988	Nữ	H'Mông	DT	CĐ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBDAb		7.32	7.50	60	268.20	
12	0012	Hoàng Kiều Lan	24/08/1995	Nữ	Kinh		CĐ	Sư phạm Văn - Sử	TBK	GV VAN-NTBDAb		6.76	9.00	72	301.60	
13	0013	Nguyễn Thị Tuyết Mai	09/10/1994	Nữ	Kinh		CĐ	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-NTBDAb	x	8.85		60	297.00	
14	0014	Nguyễn Thị Tuyết Mai	28/05/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-NTBDAb	x	6.12		55	232.40	
15	0015	Nguyễn Thị Bích Ngọc	23/09/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-NTBDAb		6.20	5.00			Bỏ thi
16	0016	Quách Thị Nhâm	27/09/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBDAb	x	7.10				Bỏ thi
17	0017	Bùi Văn Nhất	05/11/1989	Nam	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBDAb		7.07	7.17	55	252.40	
18	0018	Nguyễn Thị Hồng Như	24/11/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBDAb	x	7.12		40	222.40	
19	0019	Bạch Kim Phụng	16/08/1992	Nữ	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBDAb		7.67	7.83	55	265.00	
20	0020	Đinh Hồng Quân	06/07/1992	Nam	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-NTBDAb		6.65	7.80	45	234.50	
21	0021	Quách Công Quých	16/02/1989	Nam	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-NTBDAb		6.04	7.00	50	230.40	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 01

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0022	Đình Thị San	15/08/1993	Nữ	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBĐaB	x	7.85				Bỏ thi
23	0023	Phùng Thị Tâm	15/07/1995	Nữ	Kinh		CĐ	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-NTBĐaB		6.52	8.00	45	235.20	
24	0024	Vũ Thị Tâm	26/08/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-NTBĐaB	x	7.54		80	310.80	
25	0025	Bùi Thị Thanh	15/06/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-NTBĐaB		6.57	7.75	65	273.20	
26	0026	Đặng Thu Thảo	04/01/1995	Nữ	Kinh		CĐ	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-NTBĐaB		6.39	7.33	50	237.20	
27	0027	Quách Thị Thán	03/01/1992	Nữ	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Văn - Sử	Khá	GV VAN-NTBĐaB		7.31	8.38	50	256.90	
28	0028	Xa Văn Thu	25/07/1991	Nam	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Văn - Sử	TBK	GV VAN-NTBĐaB		6.20	7.30	55	245.00	
29	0029	Nguyễn Thị Thùy Tiên	10/04/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-NTBĐaB	x	8.10		70	302.00	
30	0030	Bùi Văn Vum	27/09/1995	Nam	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-NTBĐaB		6.43	7.83	45	232.60	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Diện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chi (Học theo tin chi), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

(Chữ ký)

Phòng số: 02

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0031	Bùi Thị Doan	06/04/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Kỹ thuật	TBK	GV CN-NTBDBa		6.42	6.00	50	224.20	
2	0032	Lã Thị Thu Trang	23/09/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm KT-CN	Khá	GV CN-NTBDBa	x	7.37		68	283.40	
3	0033	Hoàng Thành Công	14/02/1987	Nam	Mường	DT	ĐH	Tiếng Anh	Khá	GV ANH-NTBDBa		7.35	7.00	55	253.50	
4	0034	Xa Thị Hường	12/06/1987	Nữ	Tây	DT	CĐ	Tiếng Anh	TBK	GV ANH-NTBDBa		6.01	6.60	90	306.10	
5	0035	Đinh Thị Quyên	01/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Ngôn ngữ Anh	Khá	GV ANH-NTBDBa	x	7.09		50	241.80	
6	0036	Hà Văn Duy	13/02/1993	Nam	Tây	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-NTBDBa	x	6.63		70	272.60	
7	0037	Nguyễn Thị Hạnh	15/07/1994	Nữ	Kinh		CĐ	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-NTBDBa	x	6.45				Bỏ thi
8	0038	Nguyễn Đức Hậu	23/09/1993	Nam	Kinh		CĐ	Sư phạm Toán - Lý	Khá	GV TOAN-NTBDBa	x	7.74		50	254.80	
9	0039	Bùi Thị Mỹ Hồng	10/11/1990	Nữ	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTBDBa		7.22	8.70	70	299.20	
10	0040	Đinh Thị Huyền	03/01/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-NTBDBa	x	6.83		50	236.60	
11	0041	Nguyễn Thị Huyền	18/03/1994	Nữ	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTBDBa		6.93	8.80	45	247.30	
12	0042	Quách Công Mạnh	21/12/1995	Nam	Mường	DT	CĐ	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTBDBa		7.38	9.33	75	317.10	
13	0043	Nguyễn Thị Hồng Nhung	25/12/1994	Nữ	Kinh		CĐ	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-NTBDBa		6.28	8.50	0	147.80	
14	0044	Nguyễn Văn Niên	12/10/1993	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTBDBa	x	7.02		40	220.40	
15	0045	Huỳnh Tiến Quyết	18/10/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-NTBDBa	x	6.81		75	286.20	
16	0046	Dương Anh Sơn	12/10/1989	Nam	Kinh		CĐ	Sư phạm Toán - Tin	Khá	GV TOAN-NTBDBa		6.95	9.50	90	344.50	
17	0047	Hà Văn Thực	20/07/1994	Nam	Tây	DT	CĐ	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-NTBDBa	x	6.44		25	178.80	
18	0048	Đỗ Thị Hải Vân	26/08/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Toán học	TBK	GV TOAN-NTBDBa		6.73	9.75	50	264.80	
19	0049	Hà Thị Thanh Vân	17/03/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Toán - Tin ứng dụng	TB	GV TOAN-NTBDBa	x	6.27		75	275.40	
20	0050	Triệu Văn Anh	15/05/1993	Nữ	Dao	DT	CĐ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-NTBMai	x	7.49		40	229.80	
21	0051	Hoàng Lan Chi	23/09/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-NTBMai	x	7.80				Bỏ thi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 02

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0052	Bùi Đình Chí	12/12/1987	Nam	Mường	DT	ĐH	Tiếng Anh	Khá	GV ANH-NTB Mai		7.56	7.25	55	258.10	
23	0053	Vì Thị Duyên	28/06/1991	Nữ	Thái	DT	CĐ	Tiếng Anh	Khá	GV ANH-NTB Mai		7.53	8.00	45	245.30	
24	0054	Bùi Thị Hằng	20/03/1990	Nữ	Mường	DT	CĐ	Tiếng Anh	TBK	GV ANH-NTB Mai		6.36	6.00	55	233.60	
25	0055	Nguyễn Thùy Linh	26/09/1995	Nữ	Kinh		CĐ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-NTB Mai		7.37	6.67	85	310.40	
26	0056	Hà Thị Mùi	07/08/1991	Nữ	Thái	DT	CĐ	Tiếng Anh	TBK	GV ANH-NTB Mai		6.49	6.67	40	211.60	
27	0057	Bùi Thị Nguyệt	25/12/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TBK	GV ANH-NTB Mai		6.53	7.00	55	245.30	
28	0058	Nguyễn Thị Trang	14/04/1994	Nữ	Kinh		CĐ	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-NTB Mai		7.10	6.33	90	314.30	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 03

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0059	Lê Thị Hà	11/05/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NTBMaiC		7.46	9.90	67.5	308.60	
2	0060	Nguyễn Thị Hạnh	20/05/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NTBMaiC	x	7.13		85	312.60	
3	0061	Lương Thị Quỳnh Hoa	18/01/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NTBMaiC	x	7.68		40	233.60	
4	0062	Bùi Thị Kiều	05/01/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Lịch sử	Khá	GV SU'-NTBMaiC	x	7.75		52	259.00	
5	0063	Bùi Thị Liên	15/02/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NTBMaiC	x	7.60				Bỏ thi
6	0064	Lò Văn Quang	20/09/1989	Nam	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NTBMaiC		7.75	10.00	30	237.50	
7	0065	Lương Thanh Thủy	01/06/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	TBK	GV SU'-NTBMaiC		6.66	7.00			Bỏ thi
8	0066	Mai Thị Hiền Trang	03/10/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NTBMaiC	x	7.73				Bỏ thi
9	0067	Quách Thị Hạnh	25/06/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTBM	x	7.87		82	321.40	
10	0068	Đinh Thị Diệu Hoa	22/06/1993	Nữ	Mường	DT	CD	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-NTBM		6.38	6.80	65	261.80	
11	0069	Nguyễn Thị Lam	06/07/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTBM		7.37	10.00	30	233.70	
12	0070	Hà Văn Linh	07/05/1990	Nam	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-NTBM	x	6.17		20	163.40	
13	0071	Vì Văn Mão	16/05/1993	m	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Toán - Lý	Khá	GV TOAN-NTBM	x	7.05		56	253.00	
14	0072	Trần Thị Nga	10/03/1992	Nữ	Kinh		CD	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTBM	x	7.16		90	323.20	
15	0073	Bùi Thị Kim Oanh	16/04/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTBM	x	7.22				Bỏ thi
16	0074	Nguyễn Thị Quỳnh	04/11/1994	Nữ	Kinh		CD	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTBM	x	7.13		40	222.60	
17	0075	Đinh Thị Thao	18/08/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán - Lý	Khá	GV TOAN-NTBM	x	7.09		30	201.80	
18	0076	Tạ Thị Thanh Thư	20/03/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NTBM		7.39	8.00	30	213.90	
19	0077	Nguyễn Mạnh Yên	18/12/1991	Nam	Mường	DT	CD	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-NTBM		6.56	7.10	30	196.60	
20	0078	Bùi Văn Cầu	26/10/1988	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTTanLac		7.37	7.50			Bỏ thi
21	0079	Đinh Đức Châu	30/08/1990	Nam	Mường	CDĐ	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTTanLac	x	7.18				Bỏ thi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 03

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0080	Bùi Anh Đạt	09/06/1989	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTTTanLac	x	7.34				Bò thi
23	0081	Trần Xuân Lộc	05/10/1992	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Giỏi	GV LY-NTTTanLac	x	8.59		30	231.80	
24	0082	Hoàng Thị Thu Mai	15/02/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Giỏi	GV LY-NTTTanLac	x	8.09		90	341.80	
25	0083	Bùi Thúy My	01/10/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTTTanLac	x	7.54		70	290.80	
26	0084	Bùi Thị Ngọc	20/08/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-NTTTanLac	x	6.17		40	203.40	
27	0085	Phùng Thị Nội	10/01/1991	Nữ	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-NTTTanLac	x	6.52		50	230.40	
28	0086	Nguyễn Thị Hải Yến	15/10/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Giỏi	GV LY-NTTTanLac	x	8.11		60	282.20	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm tốt nghiệp), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 04

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0087	Thạch Thị Chính	10/01/1984	Nữ	Tày	DT	ĐH	Sư phạm GDGD	TBK	GV GDGD-NTKim		6.69	8.50	30	211.90	
2	0088	Hà Cao Cường	01/05/1992	Nam	Thái	DT	ĐH	Giáo dục Công dân	TBK	GV GDGD-NTKim	x	6.92		45	228.40	
3	0089	Quách Trọng Khanh	21/06/1993	Nam	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Công dân	Khá	GV GDGD-NTKim	x	6.67		40	213.40	
4	0090	Trần Thị Phương Mai	04/11/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục Công dân	XS	GV GDGD-NTKim	x	8.55		90	351.00	
5	0091	Bùi Thị Thiên	15/09/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Công dân	Giỏi	GV GDGD-NTKim	x	7.95		65	289.00	
6	0092	Nguyễn Thị Ánh	29/07/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	NV GV-NTKimBoi	x	6.86		80	297.20	
7	0093	Trần Thế Đoan	12/10/1994	Nam	Kinh		ĐH	GD Quốc phòng An	Khá	NV GV-NTKimBoi	x	7.28		50	245.60	
8	0094	Bùi Thị Hà	23/08/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	NV GV-NTKimBoi	x	7.42		40	228.40	
9	0095	Nguyễn Thị Hậu	05/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	NV GV-NTKimBoi	x	7.85		30	217.00	
10	0096	Bùi Thị Thanh Hòa	15/06/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	NV GV-NTKimBoi	x	7.73		25	204.60	
11	0097	Nguyễn Thị Huyền	20/08/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Văn - Sử	Khá	NV GV-NTKimBoi	x	7.56		45	241.20	
12	0098	Bùi Văn Nhung	12/12/1990	Nam	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Thể chất	Khá	NV GV-NTKimBoi		7.48	7.75	55	262.30	
13	0099	Đinh Thị Tâm	15/12/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	NV GV-NTKimBoi		7.89	10.00	65	308.90	
14	0100	Lý Thị Tâm	24/05/1992	Nữ	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Khá	NV GV-NTKimBoi		7.30	8.00			Bò thi
15	0101	Bùi Thanh Thảo	06/12/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	NV GV-NTKimBoi	x	7.47		70	289.40	
16	0102	Lê Thị Thủy	05/04/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	NV GV-NTKimBoi	x	7.18				Bò thi
17	0103	Bùi Thị Trang	01/05/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	NV GV-NTKimBoi		8.10	9.00	35	241.00	
18	0104	Nguyễn Thị Trang	12/05/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	NV GV-NTKimBoi		6.09	5.50	50	215.90	
19	0105	Trần Thị Trúc	30/10/1989	Nữ	Tây	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	NV GV-NTKimBoi	x	7.10		35	212.00	
20	0106	Nguyễn Ngọc Tuyên	13/07/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Tin học	TB	NV GV-NTKimBoi	x	6.08		20	161.60	
21	0107	Nguyễn Đình Đạt	07/11/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	TBK	GV LY-NTYenThu		6.22	6.50	30	187.20	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 04

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0108	Nguyễn Khánh Linh	20/03/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTYenThu	x	7.25		50	245.00	
23	0109	Bùi Thị Loan	22/06/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTYenThu	x	7.24		50	244.80	
24	0110	Nguyễn Thị Bích Ngọc	10/12/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTYenThu	x	7.50		30	210.00	
25	0111	Nguyễn Thị Nguyệt	25/10/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTYenThu	x	7.53				Bò thi
26	0112	Dương Hiền Phương	13/11/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-NTYenThu	x	6.41		25	178.20	
27	0113	Vũ Quỳnh Phương	12/11/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTYenThu	x	7.01		35	210.20	
28	0114	Bùi Thị Thu	19/02/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTYenThu	x	7.53		80	310.60	
29	0115	Nguyễn Thị Thùy	08/07/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTYenThu	x	7.83		65	286.60	
30	0116	Nguyễn Thị Thương	12/09/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-NTYenThu	x	7.10		50	242.00	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chi (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 05

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0117	Lê Chí Dũng	26/02/1984	Nam	Kinh		ĐH	Tin học Ứng dụng	Khá	KTV CNTT-NTLu		7.01	9.57	30	225.80	
2	0118	Nguyễn Lan Anh	26/11/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	TBK	NV GV-NTLuongS		6.13	7.00	60	251.30	
3	0119	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	18/11/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Âm nhạc	Khá	NV GV-NTLuongS		7.32	7.25			Bỏ thi
4	0120	Bùi Thị Hương	14/05/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Văn - Địa	TB	NV GV-NTLuongS	x	6.55		35	201.00	
5	0121	Dương Thị Hương	02/02/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Chính trị	Giỏi	NV GV-NTLuongS	x	8.34		45	256.80	
6	0122	Nguyễn Thị Thu Hương	29/10/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	NV GV-NTLuongS	x	7.83		55	266.60	
7	0123	Lưu Thùy Linh	17/12/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	NV GV-NTLuongS	x	6.74		90	314.80	
8	0124	Nguyễn Xuân Trường	17/12/1991	Nam	Kinh		ĐH	SP Kỹ thuật Nông n	TB	NV GV-NTLuongS	x	6.59		55	241.80	
9	0125	Bùi Văn Diệu	02/10/1991	Nam	Mường	DT	ĐH	Công nghệ Thông ti	Khá	KTV CNTT-NTMa	x	7.22		50	244.40	
10	0126	Bùi Tuấn Anh	07/03/1990	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	NV GV-NTNgocSo		6.45	5.75	95	312.00	
11	0127	Bùi Văn Chư	14/07/1991	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	NV GV-NTNgocSo	x	7.37		35	217.40	
12	0128	Bùi Thị Hồng Dung	28/05/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	NV GV-NTNgocSo	x	8.08		50	261.60	
13	0129	Nguyễn Văn Hậu	09/09/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Kỹ thuật	TBK	NV GV-NTNgocSo		7.09	8.50	30	215.90	
14	0130	Hà Thị Hương	04/09/1992	Nữ	Tày	DT	ĐH	GDCT-GDQP	Khá	NV GV-NTNgocSo	x	7.50		60	270.00	
15	0131	Bùi Thị Hương	01/02/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	NV GV-NTNgocSo	x	7.72		40	234.40	
16	0132	Nguyễn Thị Minh Khuyến	09/07/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	NV GV-NTNgocSo		6.76	7.00	62	261.60	
17	0133	Hoàng Trung Kiên	24/09/1989	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	NV GV-NTNgocSo		6.51	7.00	95	325.10	
18	0134	Bùi Thị Lộc	01/05/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	NV GV-NTNgocSo	x	7.89		30	217.80	
19	0135	Xa Thị Quý	23/04/1992	Nữ	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	NV GV-NTNgocSo	x	7.68		70	293.60	
20	0136	Bùi Thị Sào	02/02/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	GDCT-GDQP	Khá	NV GV-NTNgocSo	x	7.47		35	219.40	
21	0137	Nguyễn Thị Thanh Tâm	10/02/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	NV GV-NTNgocSo	x	7.55				Bỏ thi

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 05

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0138	Bùi Thị Thảo	17/04/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	NV GV-NTNgcSo	x	7.04		50	240.80	
23	0139	Nguyễn Thị Thêm	12/12/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	NV GV-NTNgcSo	x	8.42		70	308.40	
24	0140	Bùi Thị Tuất	24/12/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	NV GV-NTNgcSo	x	7.10		50	242.00	
25	0141	Nguyễn Thị Vân Anh	12/09/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-SaoBay	x	7.90		85	328.00	
26	0142	Nguyễn Thu Hương	30/04/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-SaoBay	x	7.59		55	261.80	
27	0143	Nguyễn Đăng Nhân	08/02/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TBK	GV HOA-SaoBay		6.63	7.00	65	266.30	
28	0144	Đỗ Thị Thanh Tâm	07/08/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-SaoBay	x	6.31		45	216.20	
29	0145	Trần Thị Tâm Thu	09/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-SaoBay	x	7.99		90	339.80	
30	0146	Nguyễn Thị Thuyết	08/11/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-SaoBay	x	7.13		70	282.60	
31	0147	Bùi Thị Vân	13/12/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-SaoBay	x	7.30		40	226.00	
32	0148	Bùi Thị Hải Yến	26/07/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-SaoBay	x	6.86		50	237.20	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0149	Nguyễn Thị Ngọc Anh	29/08/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NgoQu	x	7.23		50	244.60	
2	0150	Hà Thị Duyên	29/05/1987	Nữ	Kinh		Th.S	Toán học		GV TOAN-NgoQu		7.90	9.00	50	269.00	
3	0151	Nguyễn Thị Hòa	24/02/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-NgoQu		6.69	7.25	60	259.40	
4	0152	Bùi Quỳnh Hương	19/06/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NgoQu	x	6.96		70	279.20	
5	0153	Phạm Thị Linh	21/10/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-NgoQu	x	6.48		55	239.60	
6	0154	Phạm Thị Phương Thảo	22/11/1991	Nữ	Kinh	CBB	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NgoQu	x	6.88		50	237.60	
7	0155	Đặng Sơn Trà	13/03/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NgoQu	x	6.75		90	315.00	
8	0156	Hoàng Thị Thu Hương	27/09/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Tiếng Anh	Giỏi	GV ANH-CongNgh		8.02	8.25	60	282.70	
9	0157	Đặng Thị Huyền Trang	07/10/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Ngôn ngữ Anh	Khá	GV ANH-CongNgh		7.67	7.17	50	248.40	
10	0158	Vũ Thị Diễm	23/04/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NamLgS	x	7.23				Bò thi
11	0159	Nguyễn Thị Hà	29/10/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-NamLgS	x	6.77		50	235.40	
12	0160	Nguyễn Diệu Hiền	02/02/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NamLgS	x	7.14		70	282.80	
13	0161	Đặng Thanh Huyền	18/12/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NamLgS	x	7.92		60	278.40	
14	0162	Hoàng Thu Hương	18/12/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NamLgS	x	7.43				Bò thi
15	0163	Kiều Thị Hương	23/08/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-NamLgS	x	8.04		50	260.80	
16	0164	Ngô Thị Loan	05/06/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-NamLgS	x	8.16		50	263.20	
17	0165	Nguyễn Thanh Ngân	01/07/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NamLgS		7.71	9.49	50	272.00	
18	0166	Ngô Hồng Nhung	06/12/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NamLgS	x	7.07		85	311.40	
19	0167	Nguyễn Thu Thảo	16/03/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NamLgS	x	7.32		40	226.40	
20	0168	Nguyễn Thị Thúy	07/08/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-NamLgS	x	7.78		65	285.60	
21	0169	Phạm Thị Hồng Vân	12/07/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-NamLgS	x	7.76		50	255.20	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 06

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0170	Đào Thị Vân Anh	18/05/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-MgChien	x	7.76		50	255.20	
23	0171	Nguyễn Thị Thùy Dương	08/09/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Văn học	Khá	GV VAN-MgChien	x	7.25		60	265.00	
24	0172	Lê Thị Hạnh	28/04/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MgChien		7.65	9.00	75	316.50	
25	0173	Lê Thị Hiền	20/09/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-MgChien	x	8.01				Bò thi
26	0174	Nguyễn Thị Huyền	26/01/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MgChien		7.76	7.50	72.5	297.60	
27	0175	Đinh Trung Kiên	26/06/1993	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MgChien	x	7.20		90	324.00	
28	0176	Bùi Thị Kiều	24/07/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Văn - GD	Khá	GV VAN-MgChien	x	7.50		60	270.00	
29	0177	Đỗ Quỳnh Nga	19/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-MgChien	x	8.34		55	276.80	
30	0178	Nguyễn Thị Thu Nga	20/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-MgChien	x	7.57		50	251.40	
31	0179	Đinh Thị Phương	04/05/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-MgChien		6.96	7.25	55	252.10	
32	0180	Bùi Thị Thi	26/02/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Văn - GD	Khá	GV VAN-MgChien		7.27	8.50	55	267.70	
33	0181	Nguyễn Thị Xuyến	27/07/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-MgChien	x	8.06		60	281.20	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), BT (Bò thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 07

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0182	Nguyễn Thị Mai An	02/10/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NamLgSon	x	7.26		50	245.20	
2	0183	Bùi Thị Anh	08/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NamLgSon	x	7.19		45	233.80	
3	0184	Hoàng Thị Phương Anh	21/12/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU'-NamLgSon	x	7.99		60	279.80	
4	0185	Bùi Văn Bình	01/11/1989	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NamLgSon	x	7.51		62.5	275.20	
5	0186	Bùi Thị Kim Chi	10/10/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU'-NamLgSon	x	8.05		60	281.00	
6	0187	Trần Thị Thu Hà	05/03/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU'-NamLgSon	x	8.06		40	241.20	
7	0188	Bùi Thu Hương	17/09/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU'-NamLgSon	x	8.23		60	284.60	
8	0189	Nguyễn Thị Liên	04/03/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NamLgSon	x	7.43		40	228.60	
9	0190	Nguyễn Mạnh Linh	14/08/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NamLgSon	x	7.41		72	292.20	
10	0191	Bùi Văn Năng	12/02/1988	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NamLgSon	x	7.04		40	220.80	
11	0192	Bùi Thị Nương	08/12/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NamLgSon	x	7.53				Bỏ thi
12	0193	Nguyễn Thị Kim Thanh	07/10/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU'-NamLgSon	x	7.94	9.50	55	284.40	
13	0194	Bùi Văn Thời	15/06/1992	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU'-NamLgSon	x	7.96		45	249.20	
14	0195	Nguyễn Ngọc Thúy	28/07/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NamLgSon	x	7.64		88	328.80	
15	0196	Nguyễn Thị Thúy	26/06/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NamLgSon	x	7.66		40	233.20	
16	0197	Nguyễn Thị Trang	06/05/1985	Nữ	Kinh		ĐH	Lịch sử	Khá	GV SU'-NamLgSon	x	7.41				Bỏ thi
17	0198	Trần Thị Việt Trinh	27/10/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU'-NamLgSon	x	7.71		40	234.20	
18	0199	Bùi Thị Như Yến	04/09/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	TB	GV SU'-NamLgSon	x	6.54				Bỏ thi
19	0200	Đỗ Thị Ngọc Châu	12/12/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-NamLgS	x	7.28		50	245.60	
20	0201	Nguyễn Thị Thùy Dương	18/12/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-NamLgS	x	7.80		55	266.00	
21	0202	Đinh Thị Mỹ Hạnh	28/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-NamLgS	x	7.82		67.5	291.40	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 07

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0203	Nguyễn Thị Bích Hằng	10/12/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	GV SINH-NamLgS	x	6.41				Bỏ thi
23	0204	Nguyễn Khánh Linh	31/10/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-NamLgS	x	7.86		67.5	292.20	
24	0205	Lương Thị Hồng Nhung	14/03/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-NamLgS	x	8.23				Bỏ thi
25	0206	Bùi Thị Thảo Phương	25/03/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-NamLgS	x	7.21		50	244.20	
26	0207	Bùi Thị Quế	27/12/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-NamLgS		7.35	9.90	40	252.50	
27	0208	Phùng Thị Thu Thảo	17/10/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-NamLgS	x	7.54				Bỏ thi
28	0209	Phan Bích Thủy	24/07/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	GV SINH-NamLgS	x	6.40		40	208.00	
29	0210	Trần Thị Thúy	26/09/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-NamLgS	x	7.93				Bỏ thi
30	0211	Phạm Thị Huyền Trang	21/01/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-NamLgS	x	7.76		50	255.20	
31	0212	Bùi Văn Trường	11/03/1993	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-NamLgS	x	7.08		65	271.60	
32	0213	Trần Thị Xuân	09/09/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sinh học	Khá	GV SINH-NamLgS	x	7.48		70	289.60	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0214	Nguyễn Hoàng Anh	20/02/1987	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	TBK	GV ĐIA-MgChieng		6.29	6.00	50	222.90	
2	0215	Bùi Thị Hồng Chính	01/05/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	TB	GV ĐIA-MgChieng	x	6.86		40	217.20	
3	0216	Bùi Thị Thu Cúc	28/07/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐIA-MgChieng	x	7.03		90	320.60	
4	0217	Bùi Thị Dung	07/04/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐIA-MgChieng	x	7.21		45	234.20	
5	0218	Bùi Thị Dung	09/07/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐIA-MgChieng	x	7.52				Bỏ thi
6	0219	Phạm Thế Đạt	16/11/1988	Nam	Kinh	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐIA-MgChieng		7.58	8.00	70	295.80	
7	0220	Nguyễn Thị Hiền	03/10/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐIA-MgChieng	x	7.80				Bỏ thi
8	0221	Bùi Thị Lan	06/07/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐIA-MgChieng	x	7.69		45	243.80	
9	0222	Bùi Thanh Loan	23/07/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐIA-MgChieng		6.97	7.50	55	254.70	
10	0223	Đinh Thị Mai Phương	10/10/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐIA-MgChieng	x	7.66				Bỏ thi
11	0224	Bùi Văn Quảng	10/10/1987	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐIA-MgChieng		7.54	8.50	70	300.40	
12	0225	Nguyễn Thị Quỳnh	12/10/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	TBK	GV ĐIA-MgChieng		6.25	6.50	65	257.50	
13	0226	Hà Thị Thúy	23/02/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐIA-MgChieng	x	7.63				Bỏ thi
14	0227	Vì Thị Vân	16/06/1988	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐIA-MgChieng		7.55	8.50			Bỏ thi
15	0228	Lê Thị Hoàng Yến	26/10/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	TB	GV ĐIA-MgChieng	x	6.77		25	185.40	
16	0229	Trần Thị Lan Anh	07/11/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-MgChi	x	6.37		20	167.40	
17	0230	Bùi Văn Dũng	07/01/1988	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-MgChi		6.11	8.00	60	261.10	
18	0231	Lê Thị Hải Hà	12/09/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-MgChi	x	8.07		50	261.40	
19	0232	Trần Thị Nguyệt	19/02/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-MgChi	x	6.20		50	224.00	
20	0233	Đinh Thị Quỳnh	11/11/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-MgChi	x	7.17		92	327.40	
21	0234	Nguyễn Thị Thanh Thủy	05/05/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-MgChi		7.21	7.25	40	224.60	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 08

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0235	Bản Thị Hải	17/02/1991	Nữ	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Giỏi	GV LY-MgChieng	x	7.96		30	219.20	
23	0236	Bùi Thị Hằng	15/06/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-MgChieng	x	6.17		60	243.40	
24	0237	Trương Thị Huệ	17/09/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-MgChieng	x	7.51		45	240.20	
25	0238	Bùi Mạnh Hùng	14/02/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-MgChieng	x	6.25		65	255.00	
26	0239	Bùi Thị Ánh	15/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-Dabac	x	7.01		97	334.20	
27	0240	Trần Thị Thùy Chinh	30/12/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-Dabac	x	7.34		80	306.80	
28	0241	Đinh Thùy Dung	17/11/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-Dabac	x	6.82		40	216.40	
29	0242	Đinh Thị Thúy Kiều	20/11/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-Dabac	x	7.41				Bỏ thi
30	0243	Trương Thị Kim Loan	28/09/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-Dabac	x	7.47		92	333.40	
31	0244	Khương Văn Nam	05/10/1989	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-Dabac	x	6.82		50	236.40	
32	0245	Nguyễn Thu Tháo	27/10/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-Dabac	x	7.59		70	291.80	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 09

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0246	Trần Thế Dự	08/10/1992	Nam	Kinh		ĐH	TĐTT-GDQP	Khá	GV TDQP-NamLg	x	7.31		55	256.20	
2	0247	Nguyễn Thị Hoa	05/10/1990	Nữ	Kinh		ĐH	GDTC-GDQP	Khá	GV TDQP-NamLg		7.11	7.80	40	229.10	
3	0248	Phạm Thị Nguyệt Anh	28/01/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NamLg	x	7.84		95	346.80	
4	0249	Nguyễn Xuân Công	22/03/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NamLg		7.37	5.00	25	173.70	
5	0250	Nguyễn Thị Công Dung	11/11/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-NamLg	x	8.28				Bỏ thi
6	0251	Đặng Thị Ngọc Diệp	22/12/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NamLg		7.79	8.50	45	252.90	
7	0252	Hoàng Thị Hà Giang	28/08/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NamLg	x	7.22		40	224.40	
8	0253	Dương Minh Hạnh	03/09/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NamLg		7.05	8.00	60	270.50	
9	0254	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	26/07/1985	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-NamLg		5.98	6.50	45	214.80	
10	0255	Đỗ Thị Quỳnh Hoa	28/08/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-NamLg	x	8.23		55	274.60	
11	0256	Nguyễn Thị Thanh Huyền	22/04/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-NamLg	x	7.96		45	249.20	
12	0257	Vũ Lan Hương	05/06/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-NamLg	x	6.10		40	202.00	
13	0258	Đỗ An Khánh	11/10/1993	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-NamLg	x	6.34				Bỏ thi
14	0259	Nguyễn Thị Lan	19/11/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NamLg		7.08	7.50	50	245.80	
15	0260	Phạm Ngọc Lan	12/03/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NamLg		7.73	8.50	65	292.30	
16	0261	Đinh Thị Thùy Linh	27/08/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán - Lý	Giỏi	GV TOAN-NamLg	x	8.46		70	309.20	
17	0262	Nguyễn Thị Loan	25/05/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NamLg	x	7.00				Bỏ thi
18	0263	Nguyễn Ngọc Mai	09/02/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NamLg	x	7.12		30	202.40	
19	0264	Khuất Văn Quang	17/08/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-NamLg		6.34	7.50	45	228.40	
20	0265	Ngô Vương Quyền	08/08/1994	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NamLg	x	7.46				Bỏ thi
21	0266	Kiều Thủy Quỳnh	26/09/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-NamLg	x	7.42		65	278.40	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 09

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0267	Nguyễn Tuấn Hải	06/11/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-YenHo	x	6.03		80	280.60	
23	0268	Bùi Thị Thủ	19/01/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-YenHo	x	6.22		60	244.40	
24	0269	Bùi Đức Tuấn	07/09/1986	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-YenHo		5.79	6.00	45	207.90	
25	0270	Đinh Thị Diễm	24/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Giỏi	GV HOA-19/5	x	8.33		70	306.60	
26	0271	Bùi Thị Huyền	16/01/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-19/5	x	6.94		65	268.80	
27	0272	Bùi Thị Lan Hương	19/08/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-19/5	x	7.78		30	215.60	
28	0273	Lê Văn Lập	05/04/1991	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-19/5	x	6.82		30	196.40	
29	0274	Bùi Thị Linh	15/08/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	GV HOA-19/5	x	6.69		40	213.80	
30	0275	Trần Thị Thanh Loan	27/04/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-19/5	x	7.27		82	309.40	
31	0276	Nguyễn Hà My	29/01/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	GV HOA-19/5	x	7.24		55	254.80	
32	0277	Nguyễn Thị Thu Thảo	25/10/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Hóa học	Khá	GV HOA-19/5	x	6.86		55	247.20	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thí), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chi	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0278	Bùi Thị Bảo Chính	19/11/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-YenHoa	x	7.42		45	238.40	
2	0279	Nguyễn Hồng Hạnh	13/09/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-YenHoa		6.92	7.50	65	274.20	
3	0280	Phạm Thị Hiền	28/05/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Ngữ văn	Khá	GV VAN-YenHoa	x	7.25				Bỏ thi
4	0281	Bùi Thu Hương	25/02/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-YenHoa	x	7.09		87	315.80	
5	0282	Bùi Thị Mỹ Linh	01/09/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-YenHoa	x	6.33		60	246.60	
6	0283	Bùi Thị Nguyệt	08/09/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-YenHoa	x	8.06		55	271.20	
7	0284	Nguyễn Ngọc Nhung	27/07/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-YenHoa	x	6.29		25	175.80	
8	0285	Huỳnh Thu Thảo	08/02/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-YenHoa	x	7.44		60	268.80	
9	0286	Trần Thị Thúy	18/10/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-YenHoa	x	6.62		70	272.40	
10	0287	Triệu Thị Tinh	26/01/1990	Nữ	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-YenHoa		7.93	10.00	65	309.30	
11	0288	Đinh Thị Bắc	26/06/1984	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-CongHoa		6.32	7.50	70	278.20	
12	0289	Bùi Thị Hòa Bình	09/11/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-CongHoa	x	8.04		65	290.80	
13	0290	Phạm Ngọc Diệp	13/04/1988	Nam	Kinh	CTB	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-CongHoa	x	6.64		65	262.80	
14	0291	Bùi Thị Hằng	17/02/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CongHoa		7.20	8.50	70	297.00	
15	0292	Lê Thị Thu Hiền	02/02/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Ngữ văn	Khá	GV VAN-CongHoa	x	7.12		95	332.40	
16	0293	Trịnh Thị Thu Hoài	10/11/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-CongHoa		6.50	7.50	75	290.00	
17	0294	Đỗ Thị Huệ	10/11/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-CongHoa		7.93	10.00	75	329.30	
18	0295	Bùi Thị Thu Hương	20/11/1986	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-CongHoa		6.41	7.00	80	294.10	
19	0296	Bùi Thị Hương	14/09/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-CongHoa	x	7.71		60	274.20	
20	0297	Đỗ Thị Thu Hương	01/08/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CongHoa	x	7.27				Bỏ thi
21	0298	Đinh Thị Ly	28/04/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CongHoa	x	7.53		70	290.60	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 10

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0299	Bùi Thị Quỳnh Nga	04/08/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-CongHoa		6.00	5.75	60	237.50	
23	0300	Đặng Thu Phương	30/12/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Giỏi	GV VAN-CongHoa	x	7.83		60	276.60	
24	0301	Bùi Thị Quyên	16/07/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Văn - GD	Khá	GV VAN-CongHoa	x	7.40		40	228.00	
25	0302	Bùi Thị Sơn	15/05/1990	Nữ	Mường		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CongHoa		7.87	9.00	60	288.70	
26	0303	Trương Thị Tâm	27/06/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CongHoa	x	7.76		45	245.20	
27	0304	Lương Thị Thanh	28/11/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-CongHoa		6.43	5.75			Bỏ thi
28	0305	Bùi Thị Bích Thịnh	14/12/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CongHoa	x	7.19		35	213.80	
29	0306	Bùi Thị Thu	26/08/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Ngữ văn	Khá	GV VAN-CongHoa	x	6.94		80	298.80	
30	0307	Bùi Hương Thủy	09/05/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CongHoa	x	6.82		40	216.40	
31	0308	Hoàng Thị Thùy	19/01/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TBK	GV VAN-CongHoa		6.66	6.75	60	254.10	
32	0309	Phạm Kim Tuyền	21/01/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Ngữ văn	Khá	GV VAN-CongHoa		7.33	8.00	65	283.30	
33	0310	Trần Thị Hải Vân	29/10/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	TB	GV VAN-CongHoa	x	6.58		40	211.60	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0311	Nguyễn Tiến Dũng	22/01/1989	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-YenHoa	x	6.50		60	250.00	
2	0312	Bàn Tùng Dương	23/08/1993	Nam	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	GV LY-YenHoa	x	7.17		50	243.40	
3	0313	Bạch Thị Mơ	20/12/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	GV LY-YenHoa	x	6.36		40	207.20	
4	0314	Phạm Thị Bích Phượng	22/04/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Giỏi	GV LY-YenHoa	x	8.02		95	350.40	
5	0315	Trần Thị Dung	01/09/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-19/5	x	7.27				Bỏ thi
6	0316	Tổng Thị Thùy Dương	22/04/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-19/5		7.85	10.00	40	258.50	
7	0317	Trần Trọng Đăng	13/08/1993	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-19/5	x	6.80				Bỏ thi
8	0318	Trần Thị Thanh Hà	09/10/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Toán	Giỏi	GV TOAN-19/5	x	8.07		86	333.40	
9	0319	Bùi Thị Hiền	12/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-19/5	x	7.54				Bỏ thi
10	0320	Lê Thanh Hoa	21/03/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-19/5	x	6.32		70	266.40	
11	0321	Bùi Thị Hòa	16/02/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-19/5		7.21	7.50	85	317.10	
12	0322	Trần Thị Kim Ngân	07/09/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-19/5		6.98	9.60	80	325.80	
13	0323	Bùi Thị Nhân	30/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-19/5	x	7.94		60	278.80	
14	0324	Nguyễn Thị Nhung	10/09/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-19/5	x	6.86		85	307.20	
15	0325	Bùi Thị Thu Phương	24/02/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-19/5	x	6.76		40	215.20	
16	0326	Bùi Thị Thủy	20/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-19/5	x	7.58		40	231.60	
17	0327	Đinh Thị Kiều Trang	19/11/1990	Nữ	Tây	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TB	GV TOAN-19/5	x	6.29		0	125.80	
18	0328	Nguyễn Hải Yến	28/05/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-19/5	x	7.36				Bỏ thi
19	0329	Bùi Thị Như Chiêu	18/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-CongHoa	x	6.81		45	226.20	
20	0330	Bùi Thị Mai	07/05/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-CongHoa	x	7.36		70	287.20	
21	0331	Bùi Thị Nhâm	17/03/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-CongHoa	x	7.37		35	217.40	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 11

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0332	Quách Văn Tản	10/09/1991	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TB	GV ANH-CongHoa	x	6.48				Bỏ thi
23	0333	Bùi Thị Minh Thùy	03/10/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-CongHoa	x	7.18		50	243.60	
24	0334	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	24/09/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	TBK	GV ANH-QuyếtTh		6.90	7.00	80	299.00	
25	0335	Bùi Thị Chi	20/04/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-QuyếtTh	x	7.26		65	275.20	
26	0336	Nguyễn Thị Thanh Tân	24/03/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-QuyếtTh	x	7.04		30	200.80	
27	0337	Giang Quỳnh Anh	16/01/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	GDCD-GDQP	TBK	GV GDCD-LacThu	x	6.88		35	207.60	
28	0338	Nguyễn Thị Thu Diệu	01/08/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Công dân	Khá	GV GDCD-LacThu	x	7.98		40	239.60	
29	0339	Nguyễn Thị Dịu	01/08/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục Công dân	Khá	GV GDCD-LacThu	x	6.96		65	269.20	
30	0340	Đỗ Anh Linh	28/12/1986	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm GDCD	Khá	GV GDCD-LungV		7.18	8.75	65	289.30	
31	0341	Xa Thị Thóa	04/10/1984	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm GDCD	Khá	GV GDCD-LungV		7.49	8.75	45	252.40	
32	0342	Vì Thị Hương	07/10/1989	Nữ	Thái	DT	ĐH	GDCD-GDQP	Khá	GV GDCD-YenTh		7.31	7.75	50	250.60	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 12

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0343	Hà Thị Thanh	18/09/1989	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Khá	GV ANH-PhuCuon		7.28	7.00	85	312.80	
2	0344	Trần Thị Hải Yến	17/11/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tiếng Anh	Giỏi	GV ANH-PhuCuon	x	8.01		55	270.20	
3	0345	Vì Thị Dung	21/12/1993	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-PhuCuon	x	8.07				Bỏ thi
4	0346	Nguyễn Thị Thu Hường	30/08/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-PhuCuon		6.57	6.50			Bỏ thi
5	0347	Đỗ Thị Khánh Ly	22/03/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-PhuCuon	x	7.31		90	326.20	
6	0348	Vũ Thị Thanh Mai	21/11/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Toán học	Khá	GV TOAN-PhuCuon	x	7.20		50	244.00	
7	0349	Đinh Thị Thanh Nhân	01/05/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-PhuCuon		7.07	7.50	50	245.70	
8	0350	Nguyễn Chí Tâm	05/09/1993	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Giỏi	GV TOAN-PhuCuon	x	8.42		55	278.40	
9	0351	Hoàng Văn Thà	22/02/1989	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	TBK	GV TOAN-PhuCuon		6.53	8.00	50	245.30	
10	0352	Kiều Hương Thùy	21/07/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Toán học	Khá	GV TOAN-PhuCuon	x	7.40		60	268.00	
11	0353	Sùng A Dương	02/03/1990	Nam	H'Mông	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.51				Bỏ thi
12	0354	Nguyễn Thị Đào	08/03/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.99		50	259.80	
13	0355	Vì Thị Huê	21/09/1991	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.89		60	277.80	
14	0356	Nguyễn Thu Hường	08/01/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.47		50	249.40	
15	0357	Bùi Thị Mai Lam	20/01/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.82		70	296.40	
16	0358	Trương Thị Khánh Linh	27/11/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.30				Bỏ thi
17	0359	Khả Thị Loan	24/02/1993	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-MaiChau	x	8.43		70	308.60	
18	0360	Đinh Thị Ngoan	04/08/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau		7.85	8.00	55	268.50	
19	0361	Bùi Thị Ngọc	07/12/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.53		40	230.60	
20	0362	Hà Thị Nhượng	25/08/1992	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	XS	GV ĐỊA-MaiChau	x	8.56		65	301.20	
21	0363	Nguyễn Thị Quy	18/12/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.82		60	276.40	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 12

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0364	Bùi Văn Sơn	05/05/1992	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.22		40	224.40	
23	0365	Bùi Đỗ Thanh	02/03/1990	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.46		65	279.20	
24	0366	Bùi Thị Thơm	08/03/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.56		95	341.20	
25	0367	Hoàng Thu Thủy	10/04/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.26				Bỏ thi
26	0368	Bùi Thị Thứ	04/03/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.31		40	226.20	
27	0369	Lê Thu Trang	02/02/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	TB	GV ĐỊA-MaiChau	x	6.38		50	227.60	
28	0370	Nguyễn Thị Xinh	16/10/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Địa lý	Khá	GV ĐỊA-MaiChau	x	7.69				Bỏ thi
29	0371	Bùi Thị Hai Yến	04/09/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Địa lý	Giỏi	GV ĐỊA-MaiChau	x	8.03				Bỏ thi
30	0372	Trần Thị Hồng Ánh	13/04/1987	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-MaiChauB		7.42	8.00	50	254.20	
31	0373	Hồ Hai Đăng	02/02/1991	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-MaiChauB	x	7.21		90	324.20	
32	0374	Lê Thị Hà	26/06/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-MaiChauB	x	7.53		70	290.60	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm tốt nghiệp), BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHỎNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 13

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0375	Bùi Thị Huệ	07/01/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-MaiChauB	x	7.51				Bỏ thi
2	0376	Nguyễn Thị Kim Huệ	23/10/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU-MaiChauB	x	8.03		90	340.60	
3	0377	Hà Thị Huyền	15/08/1994	Nữ	Thái	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-MaiChauB	x	7.48		50	249.60	
4	0378	Bùi Thị Hương	06/12/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-MaiChauB	x	7.18				Bỏ thi
5	0379	Đinh Thị Kiên	16/08/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-MaiChauB	x	7.70		50	254.00	
6	0380	Bùi Thị Lo Liên	22/08/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU-MaiChauB		8.17	9.00	50	271.70	
7	0381	Trần Thị Mai Loan	28/05/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-MaiChauB		7.83	10.00	50	278.30	
8	0382	Phạm Thị Tuyết Mai	05/06/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-MaiChauB	x	7.42		80	308.40	
9	0383	Bùi Thị Nhung	13/05/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sử - Địa	Khá	GV SU-MaiChauB	x	7.82		62	280.40	
10	0384	Nguyễn Thị Kim Nhung	10/10/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-MaiChauB	x	7.00		40	220.00	
11	0385	Bùi Mai Phương	10/03/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Khá	GV SU-MaiChauB	x	7.86		60	277.20	
12	0386	Lương Thị Thơm	29/01/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Lịch sử	Giỏi	GV SU-MaiChauB	x	8.35		70	307.00	
13	0387	Nguyễn Văn Chiến	12/08/1988	Nam	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe		7.27	8.00	40	232.70	
14	0388	Chữ Thị Thanh Cúc	30/10/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-ThachYe	x	8.35		75	317.00	
15	0389	Phạm Thị Dịu	15/10/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.62		40	232.40	
16	0390	Bùi Thị Hà	08/07/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	TBK	GV SINH-ThachYe		6.99	7.00			Bỏ thi
17	0391	Đặng Đình Hoàn	26/04/1988	Nam	Mường	DT	Th.S	Sinh học		GV SINH-ThachYe		8.25	9.50	85	347.50	
18	0392	Vũ Thị Thanh Hương	12/03/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.54		75	300.80	
19	0393	Bùi Thúy Hường	14/09/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.39		70	287.80	
20	0394	Nguyễn Thị Lanh	10/05/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.92		55	268.40	
21	0395	Bùi Thị Mai	23/05/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.08				Bỏ thi

luy

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 13

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0396	Phùng Thị Ngọc	04/09/1992	Nữ	Dao	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.88		70	297.60	
23	0397	Bùi Thị Hồng Nhung	28/10/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	6.77		30	195.40	
24	0398	Nguyễn Thị Thu Phương	22/10/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	GV SINH-ThachYe	x	6.34		35	196.80	
25	0399	Vũ Thị Thu Phương	30/08/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.81		45	246.20	
26	0400	Bùi Thị Thanh	20/05/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-ThachYe	x	8.13		75	312.60	
27	0401	Bùi Hồng Thảo	05/10/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.14				Bò thi
28	0402	Bùi Thị Thảo	05/06/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Giỏi	GV SINH-ThachYe	x	8.32		50	266.40	
29	0403	Triệu Thị Hoài Thu	26/04/1993	Nữ	Nùng	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.20		75	294.00	
30	0404	Bùi Thị Thùy	14/12/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	GV SINH-ThachYe	x	7.26		55	255.20	
31	0405	Lý Thị Kim Tuyền	27/10/1987	Nữ	Cao lan	DT	Th.S	Sinh học		GV SINH-ThachYe		6.91	9.00			Bò thi

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)
BT (Bò thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 14

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0406	Chu Phương Ly	04/07/1989	Nữ	Kinh		CD	Kế toán	Khá	NV TQVT-NTLuo		7.49	6.50	75	289.90	
2	0407	Nguyễn Tiến Minh	29/08/1985	Nam	Kinh		ĐH	Kế toán	TBK	NV TQVT-NTLuo		6.56	7.33	90	318.90	
3	0408	Nguyễn Thị Kim Tuyết	13/11/1993	Nữ	Kinh		CD	Kế toán	Khá	NV TQVT-NTLuo		7.32	8.50			Bò thi
4	0409	Bùi Thị Thu Hiền	04/02/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	TBK	NV TQVT-NTLac		6.89	6.50	78	289.90	
5	0410	Trần Thị Thu Hiền	01/01/1985	Nữ	Kinh		THC	Kế toán tổng hợp	Khá	NV TQVT-NTLac		7.90	7.30	45	242.00	
6	0411	Phạm Thị Linh	01/03/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV TQVT-NTLac	x	6.78		20	175.60	
7	0412	Bùi Văn Thái	02/04/1980	Nam	Mường	DT	THC	Kế toán Doanh nghi	TBK	NV TQVT-NTLac		7.10	6.60			Bò thi
8	0413	Trần Thị Thanh Thanh	25/10/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV TQVT-NTLac	x	7.02		80	300.40	
9	0414	Bùi Thị Thu Hà	27/11/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	NV TBTN-NgoQu	x	6.87		45	227.40	
10	0415	Nguyễn Thị Thu Hoài	22/04/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	NV TBTN-NgoQu	x	6.69		60	253.80	
11	0416	Lê Ánh Hồng	18/05/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	NV TBTN-NgoQu	x	6.22		15	154.40	
12	0417	Vũ Thị Nhâm	21/01/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	NV TBTN-NgoQu	x	7.30		85	316.00	
13	0418	Quách Anh Tuấn	25/11/1993	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-NgoQu	x	7.02		50	240.40	
14	0419	Lê Hoàng Anh	11/09/1987	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	TBK	NV TBTN-NamLg		6.61	8.00	80	306.10	
15	0420	Hoàng Thị Liên	03/09/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-NamLg		7.02	8.25	47	246.70	
16	0421	Trần Thị Lương	08/08/1986	Nữ	Sán Diu	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	TBK	NV TBTN-NamLg		6.76	8.78	60	275.40	
17	0422	Đoàn Thị Thủy	06/11/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-NamLg	x	7.15		70	283.00	
18	0423	Dương Thị Yến	25/04/1990	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Vật lý	Khá	NV TBTN-NamLg	x	7.24		70	284.80	
19	0424	Hoàng Thị Vân Chi	05/09/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	NV TBTN-MgChie	x	7.06		40	221.20	
20	0425	Bùi Văn Hiếu	24/10/1987	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	NV TBTN-MgChie	x	6.30		41	208.00	
21	0426	Nguyễn Thị Huệ	24/06/1988	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	NV TBTN-MgChie	x	6.27		40	205.40	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 14

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0427	Lường Văn Long	15/04/1990	Nam	Tày	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	NV TBTN-MgChie	x	6.21		90	304.20	
23	0428	Bùi Văn Đạo	03/09/1988	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	TBK	NV TBTN-YenThu		6.58	8.50	15	180.80	
24	0429	Bùi Thị Thanh Hà	10/08/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-YenThu	x	7.32		30	206.40	
25	0430	Bùi Thị Thu Lan	18/09/1988	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	NV TBTN-YenThu	x	7.35		90	327.00	
26	0431	Bùi Thị Thanh Lâm	08/11/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-YenThu	x	7.22		45	234.40	
27	0432	Bùi Thị Thắm	02/12/1991	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	NV TBTN-YenThu	x	7.56		45	241.20	
28	0433	Nguyễn Thị Vân	28/12/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-YenThu		7.62	7.25			Bỏ thi

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0434	Bùi Thị Quỳn	10/06/1986	Nữ	Mường	DT	THC	Thư viện-Thiết bị d	TB	NV TV-NTN'gocSo		6.70	6.70	30	194.00	
2	0435	Bùi Thị Tăng	06/11/1979	Nữ	Mường	DT	THC	Thư viện - Thiết bị	TBK	NV TV-NTN'gocSo		6.40	6.80	30	192.00	
3	0436	Bùi Văn Thao	12/02/1984	Nam	Mường	DT	CĐ	QL Thư viện trường	Khá	NV TV-NTN'gocSo		7.51	7.33	60	268.40	
4	0437	Bùi Thị Thụy	07/05/1988	Nữ	Mường	DT	CĐ	Khoa học Thư viện	TBK	NV TV-NTN'gocSo		6.56	8.00	40	225.60	
5	0438	Đinh Công Thường	19/08/1987	Nam	Mường	DT	ĐH	Khoa học Thư viện	TB	NV TV-NTN'gocSo	x	6.47		30	189.40	
6	0439	Nguyễn Thị Trang	30/11/1991	Nữ	Mường	DT	CĐ	Khoa học Thư viện	TBK	NV TV-NTN'gocSo		6.81	7.67			Bò thi
7	0440	Bùi Thị Thu Hằng	27/11/1991	Nữ	Mường	DT	CĐ	Thư viện QLTB trư	Khá	NV TV-CaoPhong		6.80	7.10			Bò thi
8	0441	Nguyễn Thị Huyền	08/04/1982	Nữ		CTB	THC	Thư viện	Khá	NV TV-CaoPhong		7.30	7.50	60	268.00	
9	0442	Nguyễn Thị Thu Hương	29/10/1988	Nữ	Mường	DT	CĐ	Thư viện thông tin	TBK	NV TV-CaoPhong		6.54	8.00	65	275.40	
10	0443	Bùi Thị Thảo	05/06/1991	Nữ	Mường	DT	THC	Thư viện thiết bị d	Khá	NV TV-CaoPhong		7.30	7.70	30	210.00	
11	0444	Lương Thị Thuận	26/09/1990	Nữ	Tây	DT	CĐ	Khoa học thư viện	Khá	NV TV-CaoPhong		7.47	9.00	40	244.70	
12	0445	Vũ Văn Khánh	17/01/1987	Nam	Kinh		CĐ	Văn thư lưu trữ	Khá	NV VTTQ-CaoPho		7.21	7.00	50	242.10	
13	0446	Nguyễn Thị Huyền	01/11/1989	Nữ	Kinh		CĐ	Thư viện thông tin	Khá	NV TV-ThanhHa		7.60	7.33	60	269.30	
14	0447	Lê Thị Liễu	10/11/1995	Nữ	Nùng	DT	CĐ	Khoa học thư viện	Khá	NV TV-ThanhHa		7.00	6.00	30	190.00	
15	0448	Bạch Thị Thanh Nga	08/11/1989	Nữ	Mường	DT	ĐH	Thư viện Thông tin	Khá	NV TV-ThanhHa		7.32	8.00	30	213.20	
16	0449	Ngô Thị Thủy	15/06/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Khoa học thư viện	Khá	NV TV-ThanhHa	x	6.95		60	259.00	
17	0450	Nguyễn Thị Thu Trang	23/05/1981	Nữ	Kinh		ĐH	Khoa học thư viện	Khá	NV TV-ThanhHa	x	7.52		40	230.40	
18	0451	Đào Thị Việt	24/05/1993	Nữ	Kinh		THC	Thư viện TB trường	Giỏi	NV TV-ThanhHa		7.90	8.10	10	180.00	
19	0452	Hoàng Thị Tâm	22/12/1988	Nữ	Mường	DT	THC	Hành chính văn thư	Giỏi	NV VTTQ-PhuCu		8.00	8.50	50	265.00	
20	0453	Hà Thị Thường	25/09/1983	Nữ	Mường	DT	THC	Hành chính văn thư	Giỏi	NV VTTQ-TanLac		8.20	9.00	50	272.00	
21	0454	Bùi Thị Nghiệp	30/04/1986	Nữ	Mường	DT	THC	Hành chính văn thư	Giỏi	NV VTTQ-DoanKe		8.20	8.70	50	269.00	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số: 15

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0455	Nguyễn Thị Kim Cúc	01/04/1992	Nữ	Mường	DT	CĐ	Kế toán	TBK	NV TQ-CĐSP		6.90	6.00	40	209.00	
23	0456	Bùi Thị Kiên	29/09/1986	Nữ	Mường	DT	ĐH	Kế toán	TBK	NV TQ-CĐSP		6.38	7.25			Bỏ thi
24	0457	Hoàng Thị Minh Phương	28/01/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	Khá	NV TQ-CĐSP	x	7.79		40	235.80	
25	0458	Võ Thị Hồng Thanh	03/02/1983	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	TBK	NV TQ-CĐSP		6.38	6.50	40	208.80	
26	0459	Nguyễn Thị Trang	04/09/1986	Nữ	Kinh		ĐH	Kế toán	TB	NV TQ-CĐSP		5.79	5.50	65	242.90	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tín chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)
BT (Bỏ thi), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
1	0460	Bùi Thị Chính	10/05/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh - Hóa	Khá	NV TBTN-CĐSP	x	7.35		45	237.00	
2	0461	Nguyễn Thị Thanh Hào	16/12/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-CĐSP	x	7.62		45	242.40	
3	0462	Đinh Thị Mai Linh	04/11/1990	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-CĐSP	x	7.18		70	283.60	
4	0463	Lê Thùy Linh	02/11/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	NV TBTN-CĐSP	x	7.74		45	244.80	
5	0464	Nguyễn Thanh Loan	09/05/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Hóa học	TB	NV TBTN-CĐSP	x	6.62		80	292.40	
6	0465	Quách Văn Sinh	03/08/1992	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Hóa học	Khá	NV TBTN-CĐSP	x	7.30		0	146.00	
7	0466	Hà Thị Trang	12/10/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	Khá	NV TBTN-CĐSP	x	7.65				Bỏ thi
8	0467	Hà Việt Trường	12/01/1986	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Vật lý	TB	NV TBTN-CĐSP		5.97	6.00	85	289.70	
9	0468	Nguyễn Mạnh Tuấn	04/07/1989	Nam	Mường	DT	ĐH	Sư phạm Sinh học	TB	NV TBTN-CĐSP		5.82	6.25	60	240.70	
10	0469	Phạm Thanh Chà	10/10/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Tâm lý Giáo dục	XS	GV TLGD-CĐSP	x	8.43		60	288.60	
11	0470	Nguyễn Thị Huyền	19/10/1989	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tâm lý Gi	Khá	GV TLGD-CĐSP		7.54	9.00	65	295.40	
12	0471	Nguyễn Thị Phương	04/04/1991	Nữ	Kinh		ĐH	Sư phạm Tâm lý Gi	Giỏi	GV TLGD-CĐSP	x	8.07		65	291.40	
13	0472	Vị Thị Phương	21/11/1994	Nữ	Nùng	DT	ĐH	Tâm lý Giáo dục	Giỏi	GV TLGD-CĐSP	x	8.13		50	262.60	
14	0473	Vũ Thị Huyền	20/03/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục Mầm non	Khá	GV MN-CĐSP	x	7.69		75	303.80	
15	0474	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	20/08/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Luật	Khá	GV PLHC-CĐKT	x	7.44		80	308.80	
16	0475	Nguyễn Thị Dung	20/09/1992	Nữ	Mường	DT	ĐH	Chính trị học	Khá	GV CT-CĐKT	x	7.37		60	267.40	
17	0476	Nguyễn Đức Duy	10/03/1994	Nam	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Chính trị	Giỏi	GV CT-CĐKT	x	8.05		60	281.00	
18	0477	Nguyễn Thị Duyên	26/03/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	GDCT-GDQP	Khá	GV CT-CĐKT	x	7.70		55	264.00	
19	0478	Phạm Mỹ Hạnh	21/02/1994	Nữ	Thái	DT	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV CT-CĐKT	x	6.99		50	239.80	
20	0479	Nguyễn Thị Hương	24/11/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Chính trị học	Giỏi	GV CT-CĐKT	x	7.92		60	278.40	
21	0480	Trần Thị Thu Hương	14/11/1994	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Chính trị	XS	GV CT-CĐKT	x	8.71		65	304.20	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HÒA BÌNH

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

KẾT QUẢ PHÒNG VẤN VÀ TỔNG ĐIỂM XÉT TUYỂN

TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2016

Phòng số:

16

TT	SBD	Họ và tên	N.Sinh	GT	D.Tộc	DUT	T.Độ	Chuyên ngành	LTN	Vị trí tuyển	T.chỉ	ĐHT	ĐTN	ĐPV	Tổng	Ghi chú
22	0481	Hà Thị Quỳnh Liên	14/04/1993	Nữ	Thái	DT	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV CT-CĐKT	x	7.53		60	270.60	
23	0482	Nguyễn Thanh Loan	23/05/1993	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV CT-CĐKT	x	7.65		50	253.00	
24	0483	Dương Thị Phương	24/09/1994	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV CT-CĐKT	x	7.19		50	243.80	
25	0484	Bùi Văn Quyền	12/03/1992	Nam	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV CT-CĐKT	x	7.33		50	246.60	
26	0485	Bùi Thị Thò	08/12/1987	Nữ	Mường	DT	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV CT-CĐKT		7.15	8.25	50	254.00	
27	0486	Lương Thị Thu	15/10/1992	Nữ	Tày	DT	ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV CT-CĐKT	x	7.93		50	258.60	
28	0487	Nguyễn Văn Thu	23/03/1991	Nam	Kinh		ĐH	Chính trị học	Khá	GV CT-CĐKT	x	7.53				Bỏ thi
29	0488	Hoàng Thị Thúy	11/03/1992	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV CT-CĐKT	x	7.54		50	250.80	
30	0489	Phạm Thị Linh Trang	02/02/1993	Nữ	Kinh		ĐH	Giáo dục Chính trị	Khá	GV CT-CĐKT	x	7.72		45	244.40	
31	0490	Lò Hải Yến	26/06/1993	Nữ	Thái	DT	ĐH	Chính trị học	Khá	GV CT-CĐKT	x	7.74		65	284.80	

Ghi chú: Các cột N.Sinh (Năm sinh), GT (Giới tính), D.Tộc (Dân tộc), DUT (Điện ưu tiên), LNT (Loại tốt nghiệp), T.Chỉ (Học theo tin chỉ), ĐHT (Điểm học tập), ĐTN (Điểm tốt nghiệp), ĐPV (Điểm phỏng vấn), Tổng (Tổng điểm xét tuyển)